

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2019

“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tuấn Vũ

Ông Phạm Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 16/5/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Khu V, thị trấn T, huyện K, tỉnh T

Bị đơn: Chị **Lê Thị Bảo X**, sinh năm: 1985

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đ

(Anh Nguyễn Văn Đ có mặt, chị Lê Thị Bảo X có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh và chị Lê Thị Bảo X tự nguyện kết hôn với

nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/5/2014 tại UBND thị trấn T, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng tại Khu V, thị trấn T, huyện K, tỉnh T Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 3, 4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi, khoảng tháng 8/2014 chị X bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Đồng Tháp, kể từ đó cho đến nay anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Đến nay anh Đ xác định không còn tình cảm với chị X, không thể đoàn tụ để tiếp tục chung sống với chị X được nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị X.

Về con chung: Anh và chị X có một con chung tên là Nguyễn Lê U, sinh ngày 28/8/2014. Hiện nay con Nguyễn Lê U đang sống cùng chị X. Ly hôn anh có nguyện vọng giao con chung cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay và cũng không vay nợ của ai, do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2019, chị Lê Thị Bảo X trình bày: Chị và anh Đ tìm hiểu nhau 06 năm thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào tháng 4/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, tuy nhiên chị X không nhớ ngày tháng năm đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sau khi kết hôn, chị và anh Đ chung sống hạnh phúc cùng bố mẹ anh Đ tại Khu V, thị trấn T, huyện K, tỉnh T Sau khi cưới khoảng 3, 4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Khoảng tháng 8/2014 thì chị X bỏ về nhà cha mẹ ruột tại địa chỉ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đ sinh sống cho đến nay, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2014. Nay chị X không còn tình cảm với anh Đ, chị đồng ý ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Lê U, sinh ngày 28/8/2014, hiện đang sống cùng chị. Việc anh Đ đồng ý giao con Nguyễn Lê U cho chị nuôi sau khi ly hôn, đồng ý cấp dưỡng theo quy định, đây là sự tự nguyện của anh Đ, chị X thống nhất không có ý kiến gì. Hiện nay chị X làm thuê tại địa phương thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/1 tháng, đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng Nguyễn Lê U.

Về tài sản chung: Chị X và anh Đ không có tài sản chung, không có công sức đóng góp vào tài sản của gia đình.

Về nợ chung: Không có nợ chung và cũng không có ai nợ chị X, anh Đ.

Kết quả xác minh tại UBND thị trấn T, huyện K vào ngày 22/01/2019 thể hiện: Anh Đ và chị X tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/5/2014 tại UBND thị trấn T, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn thì xảy ra mâu thuẫn, chị X đã bế con về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại Đồng Tháp, về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh Đ chị X phía địa phương không nắm được do anh chị thường xuyên đi làm xa. Anh Đ xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Lê Thị Bảo X; về con chung: giao con chung Nguyễn Lê U cho chị Lê Thị Bảo X trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; về tài sản chung không đặt ra giải quyết. Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Lê Thị Bảo X có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị X và anh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị Lê Thị Bảo X đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị Bảo X tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình vào ngày 13/5/2014 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp. Anh Đ và chị X sống ly thân từ tháng 8/2014, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh Đ và chị X đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị X cũng đồng ý ly hôn với anh Đ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh Đ và chị X là trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh Đ, xử cho anh Đ được ly hôn chị X là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị Bảo X có một con chung tên Nguyễn Lê U sinh ngày 28/8/2014, hiện nay đang sống cùng với chị X. Chị X xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nhi, anh Đ cũng nhường quyền nuôi con cho chị X và cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh Đ, chị X và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương giao con chung cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[6] Về quan hệ tài sản: Anh Đ và chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Lê Thị Bảo X.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Lê U sinh ngày 28/8/2014 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Đ, chị X có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001220 ngày 04/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương thành án phí. Anh Nguyễn Văn Đ còn phải tiếp tục thi hành 300.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn Đ có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/5/2019, chị Lê Thị Bảo X vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T
- Lưu: hồ sơ, vp.

Nguyễn Thị Lý